

NGÀY THI: 04/06/2015

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	TÌNH HÌNH HỌC TẬP (T)				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
1	152210195	Nguyễn Hùng Cường	T17XDD	CIE 378 B	7	6	7.5	4	5.3	Năm phẩy Ba	
2	162233460	Lương Tấn Đạt	K16KTR4	CIE 378 B	5	7	6	2	0.0	Không	
3	162233465	Hoàng Quốc Dũng	K16KTR2	CIE 378 B	4	0	7.5	V	0.0	Không	
4	162233481	Trần Lý Quang Hào	K16KTR1	CIE 378 B	5	0	5	2	0.0	Không	
5	162233488	Ngô Văn Hiếu	K16KTR4	CIE 378 B	9	7	4	7	6.9	Sáu phẩy Chín	
6	1827617343	Nguyễn Ngọc Hiếu	D18XDD2E	CIE 378 B	9	6	7	4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
7	162233496	Thái Bảo Hoàng	K16KTR2	CIE 378 B	4	5	6	2	0.0	Không	
8	162233498	Nguyễn Hồng Hoàng	K16KTR2	CIE 378 B	5	0	3.5	V	0.0	Không	
9	162233508	Trần Kim Huy	K16KTR4	CIE 378 B	6	6.5	5	4	4.8	Bốn phẩy Tám	
10	162233514	Ngô Thái Quốc Khánh	K16KTR4	CIE 378 B	10	8	4	4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
11	162233518	Trần Phước Kỹ	K16KTR4	CIE 378 B	7	7	7	4	5.4	Năm phẩy Bốn	
12	162227671	Phạm Hòa Lộc	K16XDC2	CIE 378 B	4	0	7	4	3.9	Ba phẩy Chín	
13	162213266	Nguyễn Thành Luân	K16XDD2	CIE 378 B	3	0	5	V	0.0	Không	
14	162233535	Đoàn Quang Minh	K16KTR1	CIE 378 B	2	0	0	V	0.0	Không	
15	152233060	Phan Tấn Phú Quốc	K16KTR4	CIE 378 B	2	0	0	V	0.0	Không	
16	162233569	Lê Đức Quốc	K16KTR3	CIE 378 B	4	5	7.5	1.5	0.0	Không	
17	162233589	Vũ Đức Thành	K16KTR2	CIE 378 B	4	0	7	V	0.0	Không	
18	178223016	Trương Văn Thịnh	T17XDC	CIE 378 B	7	5.5	3.5	6	5.7	Năm phẩy Bảy	
19	142231454	Đỗ Anh Tuấn	K16KTR1	CIE 378 B	3	0	5.5	4	3.5	Ba phẩy Năm	
20	162233642	Nguyễn Thế Vũ	K16KTR3	CIE 378 B	4	0	6.5	4.5	4.1	Bốn phẩy Một	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 06 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

ThS. Nguyễn Ân